



HP 250 G3 Intel® Core™ i5 i5-5200U Laptop 39,6 cm (15.6") 4 GB DDR3L-SDRAM 500 GB HDD Wi-Fi 4 (802.11n) Windows 10 Home Màu đen



Nhãn hiệu : HP

Mã sản phẩm: P5S18ES

Tên mẫu : 250 G3

HP 250 G3. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-5200U, Tốc độ bộ xử lý: 2,2 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Độ phân giải màn hình: 1366 x 768 pixels. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3L-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 500 GB, Phương tiện lưu trữ: HDD. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 5500. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen. Trọng lượng: 2,19 kg

Thiết kế		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Sản Phẩm *	Laptop	Công nghệ Kết nối Thông minh của Intel	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Công nghệ Chống Trộm của Intel	✗
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Công nghệ Khởi động Nhanh của Intel®	✗
Nước xuất xứ	Trung Quốc	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Màn hình		Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Độ phân giải màn hình *	1366 x 768 pixels	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Màn hình cảm ứng *	✗	Lợi thế Doanh nghiệp Nhỏ của Intel (Intel® SBA)	✓
Kiểu HD	Không hỗ trợ	Công nghệ Lưu trữ Ma trận Intel® (Intel® MST)	✗
Số màu sắc của màn hình	16.78 triệu màu	Công nghệ âm thanh Intel® HD	✗
Đèn LED phía sau	✓	Công nghệ Quản lý Chủ động Intel® (Intel® AMT)	✗
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Bề mặt hiển thị	Kiểu matt, không bóng	Công nghệ RealSense™ Intel®	✗
Bộ xử lý		Ảnh chụp nhanh công nghệ Intel RealSense	✗
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Máy ảnh 3D công nghệ Intel RealSense	✗
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Thế hệ bộ xử lý	5th gen Intel® Core™ i5	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Model vi xử lý *	i5-5200U	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Số lõi bộ xử lý	2	Intel® Insider™	✓
Các luồng của bộ xử lý	4	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Tần số turbo tối đa	2,7 GHz	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Tốc độ bộ xử lý *	2,2 GHz	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Tốc độ bus hệ thống	5 GT/s	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB	Intel® Enhanced Halt State	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1168	Intel® Demand Based Switching	✗
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Khóa An toàn Intel	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	32-bit, 64-bit	Intel® OS Guard	✓
Dòng vi xử lý	Intel® Core™ i5-5200 Mobile Series		
Tên mã bộ vi xử lý	Broadwell		
Loại bus	DMI2		
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗		
Chia bậc	F0		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
TDP-down có thể cấu hình	7,5 W		
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,6 GHz		
Tjunction	105 °C		
Số lượng tối đa đường PCI Express	12		
Phiên bản PCI Express	2.0		
Cấu hình PCI Express	4x1, 2x4		
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗		

Bộ nhớ		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bộ nhớ trong *	4 GB	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR3L-SDRAM	Kiến trúc Intel® 64	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1600 MHz	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Trạng thái Chờ	✓
Bố cục bộ nhớ	1 x 4 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Khe cắm bộ nhớ	1x SO-DIMM	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	40 x 24 x 1.3 mm
Bộ nhớ trong tối đa *	8 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Dung lượng		Mã của bộ xử lý	SR23Y
Tổng dung lượng lưu trữ *	500 GB	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Tổng dung lượng ổ cứng HDD	500 GB	Graphics & IMC lithography	14 nm
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Dung lượng ổ đĩa cứng	500 GB	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Giao diện ổ cứng	SATA	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Tốc độ ổ cứng	5400 RPM	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Dung lượng ổ cứng	2.5"	Phiên bản Công nghệ Intel® Small Business Advantage (SBA)	1,00
Loại ổ đĩa quang *	✗	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✗
Thẻ nhớ tương thích	SD, SDHC, SDXC	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✓
Đồ họa		Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✗
Model card đồ họa rời *	Không có	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✓
Card đồ họa on-board *	✓	ID ARK vi xử lý	85212
Card đồ họa rời *	✗	Vi xử lý không xung đột	✓
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Pin	
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 5500	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Bộ nhớ card màn hình on-board	2,005 GB	Điện	
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	45 W
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	900 MHz	Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	16 GB	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	11.2	Tự động cảm biến năng lượng	✓
ID card đồ họa on-board	0x1616	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Số lượng card đồ họa rời được hỗ trợ	1	Bảo mật	
Âm thanh		Khe cắm khóa cáp	✓
Hệ thống âm thanh	HD	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Số lượng loa gắn liền	2	Mã pin bảo vệ	✓
Micrô gắn kèm	✓	Điều kiện hoạt động	
Máy ảnh		Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	5 - 35 °C
Camera trước	✓	Nhiệt độ lưu trữ (T-T)	-15 - 60 °C
Hệ thống mạng		Độ ẩm tương đối để vận hành (H-H)	10 - 80 phần trăm
Wi-Fi	✓	Độ ẩm tương đối để lưu trữ (H-H)	10 - 90 phần trăm
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 4 (802.11n)	Độ cao vận hành (so với mực nước biển)	0 - 3050 m
Chuẩn Wi-Fi	802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)	Độ cao (so với mặt biển) không vận hành	0 - 4570 m
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓		
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100 Mbit/s		
Bluetooth	✓		
Phiên bản Bluetooth	4.0		
Mạng Không dây Điện Rộng (WWAN)	Chưa cài đặt		
Cổng giao tiếp			
Số lượng cổng USB 2.0 *	2		
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	1		
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1		
Số lượng cổng HDMI *	1		

Cổng giao tiếp		Chứng nhận	
Cổng DVI	✗	Các chuẩn Wifi	✓
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Đầu ra tai nghe	1	Tính bền vững	
Cổng ra S/PDIF	✗	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NẮNG LƯỢNG
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓	Trọng lượng & Kích thước	
Bộ nối trạm	✗	Chiều rộng	378 mm
Khe cắm ExpressCard	✗	Độ dày	259 mm
Loại khe cắm CardBus PCMCIA	✗	Chiều cao	25,3 mm
Khe cắm SmartCard	✗	Trọng lượng *	2,19 kg
Hiệu suất		Nội dung đóng gói	
Chipset bo mạch chủ	Intel SoC	Kèm adapter AC *	✓
Bàn phím		Thủ công	✓
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng	Hướng dẫn khởi động nhanh	✓
Bàn phím số *	✓	Thẻ bảo hành	✓
Bàn phím nổi	✓	Bao gồm dây điện	✓
Bàn phím full size	✓	Các đặc điểm khác	
Các phím Windows	✓	Công nghệ ghi đĩa quang Lightscribe	✗
Phần mềm		Loại đĩa được hỗ trợ	✗
Cấu trúc hệ điều hành	64-bit	Hỗ trợ 3D	✗
Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home	Bộ nhớ trong tối đa (64-bit)	8 GB
Tính năng đặc biệt của bộ xử lý		Công nghệ Ảo hóa Intel® (Intel® VT)	VT-d, VT-x
Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓		
Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✗		

Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.

Publication date: 13-JUL-2025. Prints or copies of Information are only valid on the printed Publication date